

Tác động của Internet và mạng xã hội đến việc làm của giới trẻ: Một nghiên cứu tổng quan

Phạm Ngọc Tân^(*)

Tô Thị Hồng^(**)

Tóm tắt: Xuất hiện hơn 50 năm trên thế giới (từ năm 1969) và hơn 20 năm ở Việt Nam (từ năm 1997), Internet đã phát triển nhanh chóng và có nhiều tác động đến xã hội. Trong đó, mạng xã hội được xem như một trong những ứng dụng của Internet có ảnh hưởng lớn nhất, đặc biệt là đối với giới trẻ. Trên cơ sở tổng quan nghiên cứu, bài viết tập trung phân tích tài liệu thứ cấp (từ một số công trình đã được công bố) nhằm góp phần cung cấp một góc nhìn khái quát về những tác động tích cực và tiêu cực của Internet và mạng xã hội đến việc làm của giới trẻ.

Từ khóa: Internet, Mạng xã hội, Việc làm, Kinh tế số, Giới trẻ

Abstract: More than 50 years of presence in the world (since 1969) and more than 20 years in Vietnam (since 1997), the Internet has rapidly developed and greatly affected the society. In particular, social networks are considered one of its most influential applications, especially among young people. Based on a literature review, the article analyzes several secondary sources to provide an overview of the positive and negative impacts of the internet and social networks on young people's employment.

Keywords: Internet, Social Network, Employment, Digital Economy, the Youth

1. Đặt vấn đề

Từ khi xuất hiện đến nay, Internet ngày càng phát triển mạnh mẽ, là một cơ sở công cộng, cùng tham gia, tự duy trì, cho phép hàng trăm triệu người trên toàn thế giới cùng lúc truy cập và đã trở thành hệ thống thông tin toàn cầu phổ biến nhất hiện nay (Phạm Long, 2016). Trong khi Internet đang trong thời kỳ phát triển bùng nổ thì

các hình thức truyền thông mới cũng đang ngày càng thu hút được đông đảo người dùng Internet, đặc biệt là giới trẻ. Internet có thể giúp họ thỏa mãn mọi nhu cầu về thông tin, giải trí, kết nối..., và mạng xã hội (MXH) ra đời, đáp ứng một cách gần như hoàn hảo những nhu cầu đó (Nguyễn Lan Hương và cộng sự, 2019). MXH có thể được hiểu là một thế giới ảo (xã hội ảo) với các thành viên là các cư dân mạng. Cách để các cư dân mạng liên kết với nhau có thể dựa trên các nhóm (group), dựa trên các thông tin cá nhân, sở thích cá nhân hoặc lĩnh vực quan tâm (Nguyễn Đào Thái Hải, 2019: 14).

^(*) TS., Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;

Email: ngoc.tan.tan.1111@gmail.com

^(**) ThS., Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Email: hongtt86@gmail.com

Ở Việt Nam hiện nay, có thể dễ dàng nhận thấy Internet đã len lỏi vào tất cả các ngõ ngách của đời sống. Thống kê cho thấy, Việt Nam có gần 70 triệu người sử dụng Internet, chiếm khoảng 70% dân số; trên 65 triệu người sử dụng MXH. 100% các cơ quan trung ương, bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tập đoàn kinh tế xây dựng trang thông tin điện tử và ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, điều hành, kinh doanh, thông tin liên lạc (Dẫn theo: Cao Hồng - Xuân Mai, 2021). Thanh thiếu niên là những người sử dụng Internet nhiều nhất (Phạm Thị Thùy Linh, 2017).

Trên thế giới và ở Việt Nam, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra những hữu ích mà Internet và MXH đem lại cho người dùng nhưng cũng có cả những ảnh hưởng tiêu cực (Dẫn theo: Ngô Thu Trà My, 2021).

2. Một số tác động tích cực

Từ khi xuất hiện đến nay, Internet đã tác động mạnh mẽ, tạo nên những thay đổi lớn trong đời sống của con người. MXH được xem như một trong những ứng dụng của Internet có ảnh hưởng lớn nhất, đặc biệt là đối với giới trẻ (là nhóm người tiếp cận nhanh và sử dụng nhiều).

- Tạo ra xu hướng phổ biến là sử dụng Internet và MXH cho mục đích tìm việc, làm việc:

Theo Nguyễn Lan Hương (2019), một trong những tác động rõ rệt nhất của MXH đến việc làm của giới trẻ hiện nay là cách thức tuyển dụng vào vị trí việc làm. Nếu trước đây, để xin vào làm việc ở một cơ quan hoặc doanh nghiệp nào đó, ứng viên thường phải đến trực tiếp nộp hồ sơ xin việc, thì hiện nay nhiều nhà tuyển dụng có thể dựa vào “tiểu sử” của ứng viên được công khai trên MXH để quyết định có tuyển dụng họ hay không. Cách làm này đã mang lại nhiều lợi ích cho các bên liên

quan. Về phía nhà tuyển dụng, MXH giúp họ mở rộng mạng lưới tìm nguồn nhân sự dồi dào trong và ngoài nước, tiết kiệm được nhiều chi phí phát sinh từ các khoảng cách địa lý... Còn đối với giới trẻ, MXH được coi là một trong những phương tiện đắc lực mang tới nhiều cơ hội việc làm hơn cho họ theo những cách thức đơn giản và thuận tiện hơn so với trước đây. Thậm chí, nhiều người còn có thể tìm được nhiều công việc vào cùng một thời điểm.

Những kết quả tính toán của Betsey Stevenson (2006) từ dữ liệu Forrester Research's 2005 Technographics Benchmark đã góp phần làm sáng rõ nhận định: Internet đã trở thành một phần của cuộc sống và công việc của người dân Mỹ. Theo nghiên cứu này, trong số những người tìm được việc làm vào giữa năm 2002, có 22% cho rằng Internet là phương tiện chính để họ tìm thấy công việc, những người lao động trực tuyến có khả năng thay đổi công việc cao hơn từ 15% đến 30% so với những người không lao động trực tuyến, những người lao động trực tuyến cũng có khả năng thay đổi công việc trong cùng một doanh nghiệp cao hơn 25% so với nhóm còn lại.

Tính phổ biến của Internet và MXH đã giúp nhiều người thuộc giới trẻ sử dụng ứng dụng này để làm việc ở bất cứ đâu (tại nơi làm việc, ở nhà, ở nhiều địa điểm khác), góp phần làm tăng hiệu quả công việc.

Kết quả nghiên cứu về sinh kế của thanh niên vùng ven đô Hà Nội trong bối cảnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa của Vũ Mạnh Lợi và cộng sự (2014) đã chỉ ra những thuận lợi của thanh niên địa phương trong việc tiếp cận Internet và MXH đối với sinh kế của họ. Nhiều người dân nơi đây có điều kiện sử dụng các phương tiện truyền thông hiện đại như truyền hình cáp, máy tính kết nối Internet, điện thoại di động, giúp họ tăng khả năng tiếp cận thông tin.

Điều này một mặt giúp nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng sống cho người dân, mặt khác đem lại cho họ nhiều lựa chọn sinh kế hơn, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế của người dân.

Theo Betsey Stevenson (2006), năm 2004 có 73% số hộ gia đình được khảo sát ở Mỹ có quyền truy cập Internet, tỷ lệ người trưởng thành sử dụng Internet ở nhà và tại nơi làm việc lần lượt là 58% và 28%. Có 86% những người sử dụng Internet tại nơi làm việc cũng sử dụng Internet ở nhà. Như vậy, từ cách đây hơn một thập niên, Internet đã chiếm giữ vị trí rất quan trọng trong công việc của người dân ở Mỹ.

Trong thập kỷ vừa qua, cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư đã tạo ra nhiều đột phá về công nghệ mới trong các lĩnh vực như sản xuất trí thông minh nhân tạo, chế tạo robot, phát triển mạng Internet, công nghệ in 3D, công nghệ nano, công nghệ sinh học, khoa học về vật liệu, lưu trữ năng lượng và tin học. Theo đó, các công nghệ mới ra đời sẽ là sự liên kết các lĩnh vực lý - sinh; cơ - điện tử - sinh... hình thành các ngành nghề mới, đặc biệt là những ngành nghề có liên quan đến sự tương tác giữa con người với máy móc (Nguyễn Mạnh Thắng, 2018). Kết quả nghiên cứu của APEC Policy Support Unit năm 2018 cho thấy, trong 8 nền kinh tế ở châu Á, năng suất yếu tố tổng hợp (TFP) tại các doanh nghiệp có sử dụng web/email sẽ cao hơn so với các doanh nghiệp không sử dụng. Trung bình, TFP của các doanh nghiệp có sử dụng các công cụ đó ở Việt Nam bằng 196% so với các doanh nghiệp không sử dụng, và tương tự ở các quốc gia khác là: Indonesia (153%), Myanmar (138,8%), Trung Quốc (138,8%), Thái Lan (108,6%) và Ấn Độ (107,9%) (Dẫn theo: Trần Đình Thiên, Võ Trí Thành, 2019: 177).

- *Tạo ra xu hướng kinh doanh trực tuyến:*

Giới trẻ đang ngày càng tận dụng nền tảng Internet và MXH cho hình thức kinh doanh trực tuyến. Đây là một trải nghiệm thú vị trong thương mại điện tử.

Mua bán hàng trực tuyến đang ngày càng phổ biến như một hình thức kinh doanh mới thuận lợi cho cả người bán lẫn người mua. Với lượng người dùng đông đảo và có tính tương tác cao, MXH đã trở thành công cụ hết sức hữu hiệu cho hoạt động quảng cáo, tiếp thị và bán sản phẩm... Hình thức kinh doanh này giúp tiết kiệm được chi phí quảng cáo, thuê địa điểm, nhân công... Đặc biệt, với việc bán hàng trực tuyến, giới trẻ hoàn toàn có thể sắp xếp, bố trí được quỹ thời gian để cùng lúc làm nhiều công việc khác nhau (vừa học vừa làm, làm đồng thời hơn một công việc,...) (Nguyễn Thị Lan Hương và cộng sự, 2019). Kết quả nghiên cứu của Lư Bá Lộc và cộng sự (2013) từ cuộc khảo sát 541 sinh viên (Khoa Quan hệ Công chúng và Truyền thông - Trường Đại học Văn Lang) có sử dụng Facebook cũng cho thấy, nhiều sinh viên sử dụng trang MXH này để kinh doanh nhỏ (chủ yếu là bán hàng trực tuyến các mặt hàng như quần áo, trang sức,...) để tăng thêm thu nhập của bản thân. Điều này được họ coi như một trải nghiệm thú vị khi trực tiếp đàm phán, thuyết phục khách hàng mua sản phẩm của mình, cũng là điều kiện giúp họ rèn luyện khả năng giao tiếp, ứng xử trong kinh doanh thương mại điện tử.

Nhìn chung, giới trẻ đã và đang sử dụng MXH để tìm việc làm, làm việc theo nhiều cách là minh chứng cho việc biết khai thác MXH cho mục tiêu dài hạn hơn khi coi đó là cơ hội để trải nghiệm việc khởi nghiệp kinh doanh của bản thân trong tương lai (Nguyễn Thị Lan Hương và cộng sự, 2019).

3. Một số tác động tiêu cực

Bên cạnh những tác động tích cực, nhiều kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra không ít tác động tiêu cực của Internet và MXH đối với việc làm của giới trẻ.

- Không mang lại hiệu quả cao trong tìm kiếm việc làm:

Nghiên cứu của Peter Kuhn và Mikal Skuterud (2004) cho rằng, những người lao động thất nghiệp tìm việc trực tuyến có thời gian thất nghiệp lâu hơn những người tìm kiếm không sử dụng Internet. Trong khi đó, không tìm thấy bằng chứng nào cho thấy sự mở rộng nhanh chóng của Craigslist (một trong những thị trường trực tuyến phổ biến nhất trên thế giới) như một công cụ tìm kiếm việc làm có tác động làm thay đổi tỷ lệ thất nghiệp (ở cấp độ tỉnh thành). Tác động ước tính của việc tìm kiếm việc làm trên Internet đối với mức tăng lương giữa các công việc cũng rất thấp (từ -4% đến 0%) và không đáng kể về mặt thống kê. Do đó, lợi ích của việc tìm việc làm trực tuyến đối với lao động trẻ thất nghiệp dường như chỉ giới hạn ở việc tìm một công việc mới nhanh hơn chứ không phải tìm một công việc tốt hơn (Kuhn và Mansour, 2011). Như vậy có thể thấy, khi Internet phát triển, các trang web liên quan đến việc làm hay việc tuyển dụng trực tuyến dần trở nên phổ biến, kéo theo rất nhiều người tham gia tìm việc làm trực tuyến, nhưng điều này lại không hề giúp giảm tỷ lệ thất nghiệp. Nghĩa là, những người tìm việc trực tuyến cũng bị lãng phí thời gian và “kéo dài sự thất nghiệp” khi tìm việc trên thị trường trực tuyến. Bên cạnh đó, Internet tác động tích cực đến sự kết nối cung - cầu trên thị trường lao động, nhưng dường như đó chỉ là những kết nối tạm thời (trong khi mức tăng lương là rất thấp, công việc mới cũng không tốt hơn) cho nên có thể là những nguy cơ tiềm ẩn về sự bất ổn trên thị trường lao động.

Ngoài ra, nghiên cứu của David H. Autor (2001) chỉ ra rằng, các dịch vụ lao động - công việc thực tế do nhân viên thực hiện - có thể ngày càng được cung cấp qua Internet nhiều hơn là tại chỗ, điều đó có thể làm giảm cơ hội tiếp cận việc làm của những người không sử dụng Internet và MXH.

- Khiến giới trẻ sao nhãng công việc, không quản lý được thời gian và xa lánh các mối quan hệ thực trong công việc:

Nghiên cứu về những tác động tiêu cực của việc sử dụng MXH tại nơi làm việc, trên cơ sở kết quả khảo sát dựa vào thông tin trả lời của 141 nhân viên của Sở Thể thao và Thanh niên tỉnh Golestan tại Iran, Fatemeh Shakki và cộng sự (2019) đã phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính (PLS-SEM trên SmartPLS) và xác định được những những yếu tố tác động có ý nghĩa thống kê. Theo đó, có ba tác động tiêu cực của việc sử dụng MXH tại nơi làm việc là: “không chú ý đến công việc”, “thiếu quản lý thời gian” (không quản lý được thời gian, hoặc quản lý không hiệu quả) và “sự xa lánh” (xa lánh các mối quan hệ thực trong công việc).

Thực tế cho thấy, nhiều bạn trẻ hiện nay dành quá nhiều thời gian để lướt web, chơi game, tán gẫu trên MXH mà không chú tâm nhiều vào đời sống thực tế. Những người sử dụng điện thoại thông minh hoặc máy tính xách tay có thời gian vào mạng nhiều hơn các nhóm còn lại. Nhiều bạn trẻ lạm dụng MXH, khó kiểm soát được thời gian khi lướt MXH, dẫn đến sao nhãng công việc (Vũ Thoa, 2019).

- Góp phần dẫn đến tình trạng làm việc kiệt sức, so sánh xã hội và căng thẳng trong công việc:

Nghiên cứu của Han R, Xu J, Ge Y and Qin Y (2020) ở Trung Quốc tập trung làm rõ tác động của việc sử dụng MXH đối với tình trạng nghề nghiệp cá nhân, đặc biệt là mối quan hệ giữa việc sử dụng MXH (cụ thể là WeChat) và tình trạng kiệt sức

trong công việc¹. Kết quả cho thấy: (1) Có mối tương quan đáng kể giữa việc sử dụng MXH và tình trạng kiệt sức trong công việc; (2) So sánh xã hội² đóng vai trò điều tiết trong tác động của MXH đối với tình trạng kiệt sức trong công việc. Trong các nhóm so sánh xã hội cao, vai trò điều tiết phát triển thành vai trò trung gian, có nghĩa là tình trạng kiệt sức trong công việc chỉ đáng kể khi có đồng thời cả chứng nghiện MXH và xu hướng so sánh xã hội mạnh mẽ; (3) Trong những người sử dụng MXH, nhóm so sánh xã hội hướng xuống³ và nhận

¹ Trong nghiên cứu này, tình trạng kiệt sức trong công việc được đo bằng thang đo Likert 7 mức độ (từ “1= không bao giờ” đến “7= hằng ngày”). Ba khía cạnh của câu hỏi là: cạn kiệt cảm xúc, hoài nghi (xa lánh công việc) và mức độ hoàn thành bản thân thấp. Các hệ số kiểm định Cronbach’s Alpha (0,888), kiểm định KMO và Bartlett (0,915) và mức ý nghĩa ($p = 0,000$) cho thấy thang đo đáp ứng tiêu chuẩn sử dụng (Han R, Xu J, Ge Y, Qin Y, 2020).

² So sánh xã hội được đo bằng các câu hỏi: “Tôi luôn chú ý đến sự khác biệt giữa cách tôi làm mọi việc với những người khác”, “Tôi thường để ý đến những gì người thân yêu của tôi (bạn trai hoặc bạn gái, thành viên gia đình, v.v.) đang làm với những người khác”, “Tôi thường so sánh những gì tôi làm với những người khác trong cuộc sống”... và các câu hỏi sử dụng thang đo Likert 5 mức độ (từ 1 điểm = không bao giờ” đến “5 điểm = rất thường xuyên”). Các hệ số kiểm định Cronbach’s Alpha (0,832), kiểm định KMO và Bartlett (0,881), mức ý nghĩa ($p = 0,000$) cho thấy thang đo đạt tiêu chuẩn sử dụng. Mẫu được chia thành: Nhóm so sánh xã hội cao (25% điểm cao nhất, N = 133), Nhóm so sánh xã hội thấp (25% điểm thấp nhất, N = 133) và Nhóm so sánh xã hội trung bình (50% có điểm ở giữa, N = 264) (Han R, Xu J, Ge Y, Qin Y, 2020).

³ Bốn câu hỏi đo lường cảm xúc tích cực và tiêu cực do so sánh hướng lên và so sánh hướng xuống gây ra là: (1) nhận thấy đồng nghiệp hoặc bạn bè có thành tích tốt hơn trong công việc và cuộc sống so với bạn khiến bạn cảm thấy hạnh phúc; (2) nhận thấy đồng nghiệp hoặc bạn bè có thành tích tốt hơn trong công việc và cuộc sống khiến bạn cảm thấy không vui; (3) nhận thấy đồng nghiệp hoặc bạn bè có thành tích trong công việc và cuộc sống kém hơn

được những cảm xúc tích cực từ đó dễ bị sa thải hơn.

Nghiên cứu của Noreen Kanwal và cộng sự (2021) cũng xác định ảnh hưởng của việc nghiện MXH và các hoạt động trên MXH liên quan đến công việc đối với tình trạng căng thẳng trong công việc của nhân viên văn phòng⁴. Kết quả nghiên cứu chỉ ra, 52% cho rằng việc nghiện MXH làm tăng căng thẳng công việc (ở mức ý nghĩa 1%). Căng thẳng trong công việc giữa các nhân viên văn phòng có thể được giảm bớt bằng cách ngăn chặn chứng nghiện MXH. Ở chiều ngược lại, mặc dù các hoạt động trên MXH có thể làm giảm căng thẳng trong công việc, nhưng nó có thể gây hại cho danh tiếng của người sử dụng lao động và có thể tạo ra các vấn đề về lâu dài cho nhân viên.

4. Kết luận

Kỷ nguyên hiện đại với sự tiến bộ của công nghệ đã góp phần làm giảm các hoạt động thể chất khi mọi người bận rộn với các phần mềm hỗ trợ trực tuyến của mình (Noreen Kanwal và cộng sự, 2021). Bên cạnh những tác động tích cực, Internet và MXH đã, đang và sẽ có nhiều tác động tiêu cực đối với việc làm của lực lượng lao động nói chung và của giới trẻ nói riêng. Thực tế đã cho thấy, Internet và MXH đem lại rất nhiều tiện ích cho người sử dụng, vì tốc độ thông tin nhanh, nội dung phong phú, đa dạng... Nếu biết khai thác, sử dụng hợp lý thì nó mang lại hiệu quả rất lớn cho giới trẻ,

bạn khiến bạn cảm thấy hạnh phúc; (4) nhận thấy đồng nghiệp hoặc bạn bè có thành tích trong công việc và cuộc sống kém hơn bạn khiến bạn cảm thấy không vui (Han R, Xu J, Ge Y and Qin Y, 2020).

⁴ Dựa trên thông tin khảo sát bằng hỏi từ mẫu ngẫu nhiên đơn giản gồm 253 nhân viên văn phòng làm việc trong ngành dầu khí Malaysia (Độ tin cậy của bảng câu hỏi đã được xác định thông qua kiểm định Cronbach’s Alpha).

ngược lại sẽ gây ra nhiều hệ lụy không tốt (Nguyễn Văn Chuông, 2016).

Với những điều kiện hạn chế về nguồn lực, bài viết chưa thể cung cấp đầy đủ các chiều cạnh về những tác động của Internet và MXH đến việc làm của giới trẻ. Do đó, hướng nghiên cứu này cần được tiếp tục triển khai sâu và rộng hơn nữa cả trên các phương diện lý luận và thực nghiệm với các phương pháp tiếp cận chuyên ngành, đa ngành, liên ngành và xuyên ngành □

Tài liệu tham khảo

1. Autor, D.H. (2001), “Wiring the labor market”, *Journal of Economic Perspectives*, Vol. 15, No. 1, Winter 2001, pp. 25-40.
2. Nguyễn Văn Chuông (2016), “Ảnh hưởng của Internet và các trang mạng xã hội đến lối sống của thanh niên hiện nay”, *Tạp chí Tuyên giáo* (điện tử) ngày 22/8/2016, <https://tuyengiao.vn/nghien-cuu/nghiep-vu-cong-tac-tuyen-giao/anh-huong-cua-internet-va-cac-trang-mang-xa-hoi-den-loi-song-cua-thanh-nien-hien-nay-91022>, truy cập ngày 09/9/2021.
3. Fatemeh Shakki, Akram Esfahani Nia, Nasser Bai (2019), *Negative consequences of using social networks at the workplace from the point of view of the Sports and Youth Departments Staff*, *Annals of Applied Sport Science* 7(3): e735, 2019, <http://www.aassjournal.com>; e-ISSN:23 22-4479; p-ISSN: 2476-4981. 10.29252/aassjournal.735, truy cập ngày 31/12/2019.
4. Nguyễn Đào Thái Hải (2019), Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong hỗ trợ học sinh sử dụng Facebook (Nghiên cứu trường hợp tại Trường Trung học cơ sở Chu Văn An tỉnh Thái Nguyên), Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Lao động - Xã hội, Hà Nội.
5. Han R, Xu J, Ge Y and Qin Y (2020), “The impact of social media use on job burnout: The role of social Comparison”, *Front. Public Health*, 19 November 2020, <https://doi.org/10.3389/fpubh.2020.588097>, truy cập ngày 15/01/2022.
6. Cao Hồng - Xuân Mai (2021), “Bung nò” cùng sự phát triển của công nghệ” - Bài 1, *Công an nhân dân* ngày 22/09/2021, <https://cand.com.vn/Chong-dien-bien-hoa-binh/bung-no-cung-su-phat-trien-cua-cong-nghe-bai-1-i628970/>, truy cập ngày 30/9/2021.
7. Nguyễn Thị Lan Hương và cộng sự (2019), *Mạng xã hội đối với lối sống của thanh, thiếu niên Việt Nam hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Nguyễn Thị Hương (2021), *Mạng xã hội, mặt tích cực và tiêu cực*, <http://huyenuykhang.gialai.org.vn/chuyenmuc/Phap-luat-noi-chinh/Mang-xa-hoi,-mat-tich-cuc-va-tieu-cuc>, truy cập ngày 31/12/2021.
9. Phạm Thị Thùy Linh (2017), “Ảnh hưởng của mạng Internet đối với giới trẻ: Cái nhìn từ phía khoa học thần kinh”, *Tạp chí Khoa học Đại học quốc gia Hà Nội: Nghiên cứu Giáo dục*, tập 33, số 3.
10. Phạm Long (2016), *Mạng Internet, khái niệm cơ bản, lịch sử, vận hành*, <https://www.techsignin.com/lam-the-nao/mang-internet-khai-niem-lich-su/>, truy cập ngày 31/12/2021.
11. Noreen Kanwal, Ahmad Shahrul Nizam Isha and Rohani bt Salleh (2021), *Social media connectivity and its effect on job stress among office employees in oil and gas sector Malaysia*, <https://doi.org/10.1051/shsconf/202112408006>, truy cập ngày 31/12/2021.
12. Peter Kuhn, P., & Skuterud, M., (2004), “Internet Job Search and Unemployment Durations”, *American Economic Review*, Vol. 94, No.1, March 2004, pp. 218-232.

(xem tiếp trang 31)